

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 167/2022/QĐST-HNGĐ

Đức Trọng, ngày 20 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Q, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 147; 212; 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 71 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2022 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lưu Thị Q và ông Nguyễn Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lưu Thị Q và ông Nguyễn Văn Đ.

2.2 Về con chung: Bà Q và ông Đ thỏa thuận: Bà Lưu Thị Q trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Cao Đ, sinh ngày 12/3/2017 cho đến ngày con chung thành niên, 02 cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 31/10/2000; Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 02/10/2002 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Q không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Bà Lưu Thị Q nhận nộp toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007548 ngày 24.5.2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ). Bà Q được nhận lại 150.000đ án phí còn dư.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- Thi hành án huyện Đ;
- UBND xã N;
- Dương sự;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Yến Như